

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ K
TỈNH KON TUM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2019/DS-ST

Ngày: 26/11/2019

V/v “Tranh chấp hợp đồng thi công
công trình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hoài

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Danh Hương;

2/ Ông Trương Duy Cảnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hữu Công - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dũng –Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 107/2018/TLST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng thi công công trình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2019/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố K.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Mai Văn T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đình G, sinh năm 1982.

Địa chỉ: 542 Nguyễn Huệ, thành phố K, tỉnh Kon Tum, có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH 45;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Đình N, sinh 1963 – Giám đốc.

Địa chỉ: Số 26 (cũ 45A) Lý Thường Kt, thành phố K, tỉnh Kon Tum, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/4/2019 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn trình bày:

Ngày 10/6/2010 giữa Ban QLDA XD CB các công trình trọng điểm thành phố K (nay là Ban quản lý dự án thành phố K) với Công ty TNHH 45 do ông Trần Đình N làm đại diện ký Hợp đồng 30/2010/HĐ-XD về thi công xây dựng công trình đường Nguyễn Văn Cừ (đoạn Huỳnh Thúc Kháng - Hai Bà Trưng), với một số nội dung cơ bản về: Khối lượng phạm vi công việc; giá hợp đồng, tạm ứng và thành toán; về thay đổi, điều chỉnh giá hợp đồng; về tiến độ thi công, thời hạn hoàn thành hợp đồng; về quyền nghĩa vụ của nhà đầu tư và nhà thầu và các quy định

khác về quyền, nghĩa vụ của các bên liên quan đến việc ký kết và thực hiện hợp đồng.

Sau khi ký hợp đồng, Ban quản lý đã cho Công ty 45 ứng giai đoạn 1 với số tiền 1,2 tỷ đồng.

- Ngày 06/3/2011 giữa đại diện Ban quản lý (chủ đầu tư) với đại diện Công ty TNHH 45 (nhà thầu) và đại diện đơn vị giám sát cùng ký xác nhận Hồ sơ thanh toán thi công xây dựng công trình (lần 1), xác định khối lượng công việc đã hoàn thành và trị giá thành tiền của giai đoạn 1 là 420.109.000 đồng.

- Ngày 25/12/2014 ông N đại diện Công ty TNHH 45 ký Công văn số 168/CV-CT, gửi Ban quản lý và UBND thành phố K, với nội dung Công ty TNHH 45 xác nhận:

1. Đã tạm ứng công trình đường Nguyễn Văn Cừ số tiền 1,2 tỷ đồng, trong đó:

+ Giá trị khối lượng công việc hoàn thành đợt 1 theo hợp đồng số 30/2010/HĐ- XD là 420.109.000 đồng;

+ Số tiền tạm ứng còn thừa phải nộp vào ngân sách UBND thành phố là 779.891.000 đồng;

2. Đường vào Trường THPT Ngô Mỹ, Công ty TNHH 45 đã tạm ứng số tiền 1.000.000.000 đồng, trong đó:

+ Giá trị khối lượng công việc hoàn thành đợt 1 theo hợp đồng số 02/2011/HĐ- XD là 1.395.012.800 đồng;

+ Đề nghị thanh toán: 395.012.800 đồng.

3. Công ty TNHH 45 đề nghị Ban quản lý cho công ty được căn trừ nợ giữa công trình đường Nguyễn Văn Cừ và công trình đường vào Trường THPT Ngô Mỹ nêu trên. Sau khi căn trừ nợ thì Công ty sẽ hoàn trả số tiền **384.878.200** đồng.

Như vậy, Trị hợp đồng là 6 tỷ đồng, Ban quản lý đã cho Công ty 45 ứng trước số tiền 1,2 tỷ đồng. Công ty 45 đã hoàn thành giá trị khối lượng xây lắp giai đoạn 1, thành tiền là 420.109.000 đồng. Ban quản lý chấp nhận căn trừ cho Công ty 45 số tiền 395.451.700 đồng từ công trình đường vào Trường THPT Ngô Mỹ thành phố K. Do đó, sau khi trừ hai khoản trên thì Công ty 45 còn nợ Ban quản lý số tiền 384.439.300 đồng. Nay Ban quản lý yêu cầu Công ty 45 hoàn trả số tiền 384.439.300 đồng và tiền lãi suất 9%/năm, trên số tiền 384.439.300 đồng, tính từ ngày phát sinh công nợ 24/5/2014 (ngày công ty 45 có Công văn số 168/CV-CT về xác nhận nợ và xin căn trừ nợ) đến ngày xét xử sơ thẩm là: 170.114.390 đồng.

- **Bị đơn ông Trần Đình N – Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH 45, trình bày:** Ông N công nhận với lời trình bày trên của nguyên đơn về việc hai bên ký hợp đồng thi công công trình với giá hợp đồng là 6 tỷ đồng; công nhận số tiền ứng trước 1,2 tỷ đồng, khối lượng hoàn thành công trình giai đoạn 1 trị giá 420.109.000 đồng; công nhận sau khi trừ số tiền 420.109.000 đồng và số tiền 395.451.700 đồng từ công trình đường vào trường Ngô Mỹ, thì số tiền ứng còn dư là 384.439.300 đồng. Tuy nhiên ông N không chấp nhận yêu cầu của Ban quản lý buộc Công ty 45 trả số tiền ứng còn dư 384.439.300 đồng và tiền lãi suất, vì:

Ban quản lý có những vi phạm hợp đồng là không giải phóng mặt bằng để giao cho đơn vị thi công; làm trái với sự chỉ đạo của UBND thành phố K về gia hạn thi công công trình, dẫn đến đình chỉ thi công đường Nguyễn Văn Cừ đối với Công ty TNHH 45 là không đúng quy định của pháp luật; một số khối lượng công trình đường vào trường Ngô Mây mà Công ty TNHH 45 đã thi công nhưng chưa được nghiệm thu, thanh toán và một số khối lượng đã được nghiệm thu, nhưng Ban quản lý chưa thanh toán cho Công ty. Những sai trái trên của Ban quản lý dẫn đến thiệt hại cho công ty 45 số tiền 384.439.300 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- ***Việc tuân theo pháp luật:*** Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên toà đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật; bị đơn thực hiện chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

- Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xuất phát từ Hợp đồng thi công xây dựng công trình, với một bên là cơ quan nhà nước (Ban quản lý dự án thành phố K) không có mục đích kinh doanh, nên quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của BLTTDS; thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thành phố K.

- Về áp dụng pháp luật: Giao dịch dân sự được các bên xác lập và đã thực hiện xong vào trước ngày BLDS 2015 có hiệu lực, nay các bên có tranh chấp. Đề nghị áp dụng quy định của Bộ luật dân sự 2005 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết BLDS 2005 để giải quyết.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 10, 121, 122, 123, 124, Điều 135, Điều 137, 697, 698, khoản 1 Điều 699, khoản 2 Điều 702 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Chấp nhận đơn khởi kiện của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố K đối với Công ty TNHH 45. Buộc Công ty TNHH 45 phải hoàn trả cho Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố K số tiền: 384.439.300 đồng. Chấp nhận yêu cầu tính tiền lãi suất của ban quản lý đối với Công ty 45, nhưng thời hạn tính lãi suất xác định từ ngày Ban quản lý nộp đơn khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

VỀ TỔ TỤNG:

[1] Quan hệ tranh chấp: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xuất phát từ Hợp đồng thi công xây dựng công trình, với một bên là cơ quan nhà nước (Ban quản lý dự án thành phố K) không có mục đích kinh doanh, nên quan hệ tranh chấp trong

vụ án được xác định là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của BLTTDS;

[2] Thẩm quyền giải quyết: Các bên ký kết là hợp đồng dân sự như phân tích ở mục [1.1] nêu trên, nhưng tại Điều 24 của hợp đồng các bên lại có thỏa thuận, khi có tranh chấp xảy ra thì được giải quyết bằng con đường trọng tài; và khi thỏa thuận trọng tài lại không quy định rõ tổ chức trọng tài có thẩm quyền giải quyết. Do đó, thỏa thuận giải quyết bằng trọng tài của các bên đã vi phạm khoản 1, 4 Điều 10 của Pháp lệnh trọng tài số: 08/2003/PL-UBTVQH11 ngày 25/2/2003 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, nên vô hiệu. Khi thỏa thuận trọng tài vô hiệu, thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân.

Bị đơn Công ty THHH 45 có trụ sở tại thành phố K, nên TAND thành phố K thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[3] Về áp dụng pháp luật: Giao dịch dân sự được các bên xác lập và đã thực hiện xong vào trước ngày BLDS 2015 có hiệu lực, nay các bên có tranh chấp.

Điểm c khoản 1 Điều 688 BLDS 2015 quy định: “c) Giao dịch dân sự được thực hiện xong trước ngày Bộ luật này có hiệu lực mà có tranh chấp thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 để giải quyết.

Do đó, HĐXX áp dụng quy định của Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 (BLDS 2005) và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết BLDS 2005 để giải quyết quan hệ tranh chấp về hợp đồng giữa các bên.

VỀ NỘI DUNG:

[1] Ngày 10/6/2010 giữa Ban QLDA XD CB các công trình trọng điểm thành phố K (nay là Ban quản lý dự án thành phố K) với Công ty TNHH 45 do ông Trần Đình N làm đại diện cùng thỏa thuận ký kết Hợp đồng thi công xây dựng công trình số: 30/2010/HĐ-XD, để thi công công trình đường Nguyễn Văn Cừ (đoạn Huỳnh Thúc Kháng - Hai Bà Trưng) trị giá hợp đồng là 6 tỷ đồng. Theo đó, Ban quản lý đã cho Công ty 45 ứng giai đoạn 1 với số tiền 1,2 tỷ đồng. Ngày 06/3/2011 giữa đại diện Ban quản lý (chủ đầu tư) với đại diện Công ty TNHH 45 (nhà thầu) và đại diện đơn vị giám sát cùng ký xác nhận Hồ sơ thanh toán thi công xây dựng công trình (lần 1), xác định khối lượng công việc đã hoàn thành và trị giá thành tiền của giai đoạn 1 là 420.109.000 đồng. Ngày 25/12/2014 của Công ty TNHH 45 ban hành Công văn số 168/CV-CT do ông Trần Đình N làm đại diện ký xác nhận, gửi Ban quản lý, trong công văn có nội dung đề nghị cán trừ số tiền 395.451.700 đồng từ công trình đường vào Trường THPT Ngô Mây vào số tiền 1,2 tỷ đồng mà Công ty 45 đã tạm ứng từ công trình đường Nguyễn Văn Cừ. Tại Biên bản hòa giải ngày 09/10/2019, Bản tự khai ngày 16/10/2019 và tại phiên tòa ông N cũng công nhận số tiền 384.439.300 đồng này.

Các tình tiết sự kiện trên là có thật, các bên đương sự cũng thừa nhận, nên không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 BLTTDS.

[2] Xét yêu cầu của Ban quản lý buộc Công ty 45 hoàn trả số tiền 384.439.300 đồng. Ông N không chấp nhận yêu cầu này của Ban quản lý.

HĐXX xét thấy: Trị giá hợp đồng thi công là 6 tỷ đồng, trong đó Công ty TNHH 45 đã thực hiện thi công công trình giai đoạn 1 với số tiền 420.109.000 đồng. Sau khi hai bên lập biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình giai đoạn 1 vào ngày 06/3/2011, thì Ban quản lý yêu cầu Công ty 45 đình chỉ thi công công trình. Mặc dù không có văn bản yêu cầu đình chỉ thi công và hai bên cũng chưa có văn bản thành lý hợp đồng số 30/2010/HĐ-XD nêu trên, tuy nhiên trên thực tế Ban quản lý đã chấm dứt hợp đồng đối với Công ty 45 và Công ty 45 cũng không tiếp tục thực hiện hợp đồng từ khi có yêu cầu đình chỉ của Ban quản lý. Đến nay phần còn lại của hợp đồng đã được Ban quản lý giao cho nhà thầu khác và đã thi công xong.

Như vậy, sau khi các bên không tiếp tục thực hiện hợp đồng và đã lập biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình giai đoạn 1, trong đó xác nhận cụ thể số tiền 384.439.300 đồng mà Công ty 45 còn nợ Ban quản lý, thì từ thời điểm này Công ty 45 phải có trách nhiệm trả nợ Ban quản lý.

Do đó, yêu cầu của Ban quản lý buộc Công ty TNHH 45 do ông Trần Đình N là người đại diện, phải hoàn trả lại số tiền tạm ứng của giai đoạn 1 còn dư là 384.439.300 đồng theo Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 30/2010/HĐ-XD, là có cơ sở chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu của Ban quản lý buộc Công ty 45 trả tiền lãi trên số tiền 384.439.300 đồng, với mức lãi suất 9%/năm tính từ ngày 25/12/2014 (ngày ông N đại diện Công ty TNHH 45 ký Công văn số 168/CV-CT, gửi Ban quản lý và UBND thành phố K để xác định số tiền nợ) đến ngày xét xử sơ thẩm(26/11/2019) là: 170.114.390 đồng. Ông N không chấp nhận yêu cầu này của Ban quản lý.

Xét thấy: Trách nhiệm hoàn trả số tiền 384.439.300 đồng của Công ty TNHH 45 đối với Ban quản lý được xác định từ ngày 25/12/2014, nhưng Công ty TNHH 45 không thực hiện hoàn trả cho ban quản lý. Do đó Ban quản lý yêu cầu Công ty TNHH 45 phải trả tiền lãi suất 9%/năm, trên số tiền 384.439.300 đồng, tính từ ngày 25/12/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm (26/11/2019), là có căn cứ chấp nhận.

Về mức lãi suất: Khoản 2 Điều 305 của BLDS 2005 quy định về trách nhiệm dân sự do chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự: “2. Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thành toán, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.”

Về lãi suất cơ bản: Theo quy định tại Quyết định số 2868/2010/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, thì lãi suất cơ bản là: **9,0%/năm**. Xét thấy, các bên không thỏa thuận trong hợp đồng về mức lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Do đó ban quản lý yêu tính mức lãi suất 9%/năm là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 305 của BLDS 2005 và Quyết định số 2868/ 2010/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Tiền lãi được tính cụ thể như sau: 384.439.300 đồng x (9,0%/12 tháng) x 59 tháng (từ tháng 12/2014 đến 11/2019 = 170.114.390 đồng.

[3] Xét ý kiến của ông N:

- Ông N không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ban quản lý, vì ông cho rằng Ban quản lý đã có những vi phạm hợp đồng, như: Không giải phóng mặt bằng để giao cho đơn vị thi công; làm trái với sự chỉ đạo của UBND thành phố K về gia hạn thi công công trình, dẫn đến đình chỉ thi công đường Nguyễn Văn Cừ đối với Công ty TNHH 45 là không đúng quy định của pháp luật; Cho đến nay một số khối lượng của công trình đường vào Trường THPT Ngô Mây mà Công ty TNHH 45 đã thi công nhưng chưa được nghiệm thu, thanh toán và một số khối lượng đã được nghiệm thu, nhưng Ban quản lý chưa thanh toán cho công ty. Những sai trái trên của Ban quản lý dẫn đến thiệt hại cho Công ty TNHH 45.

- Đại diện Ban quản lý công nhận UBND thành phố K có Văn bản số 472/UBND-TH ngày 15/4/2011 đồng ý gia hạn thực hiện hợp đồng thi công công trình đến ngày 04/6/2011. Tuy nhiên sau khi có văn bản này, thì Ban quản lý nhiều lần gửi giấy mời và điện thoại mời đại diện Công ty 45 lên làm việc về tiếp tục thực hiện hợp đồng và có cả giấy mời lên làm việc về đình chỉ hợp đồng, nhưng ông N không lên làm việc. Tại phiên tòa, đại diện ban quản lý cung cấp sổ theo dõi xác nhận Công ty 45 đã 3 lần nhận được giấy mời của Ban quản lý trong thời gian tháng 6/2011. Do đó đại diện Ban quản lý không chấp nhận ý kiến trên của ông N.

- HĐXX xét thấy, ý kiến trên của ông N là ý kiến phản đối của bị đơn đối với yêu cầu của nguyên đơn và có liên quan đến hợp đồng thi công công trình mà hai bên đang có tranh chấp, do đó theo quy định của pháp luật sẽ được xem xét, giải quyết trong cùng vụ án này. Tuy nhiên, Tòa án đã có văn bản yêu cầu ông N giao nộp bổ sung chứng cứ (*Thông báo yêu cầu giao nộp bổ sung chứng cứ số:353/TB-TA ngày 02/10/2019*) trong đó Tòa án đã yêu cầu ông N trình bày rõ cụ thể các ý kiến yêu cầu của mình và cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho ý kiến của mình là có căn cứ hợp pháp, để Tòa án có cơ sở xem xét ý kiến, yêu cầu của ông N. Nhưng ông N không thực hiện việc cung cấp chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, tại phiên tòa ông N cũng không cung cấp thêm được bất cứ tài liệu, chứng cứ nào, nên Tòa án không có cơ sở để xem xét, giải quyết yêu cầu của ông N trong cùng vụ án này. Do đó, HĐXX dành cho ông N là người đại diện cho Công ty TNHH 45 được quyền khởi kiện về quan hệ tranh chấp nêu trên của ông đối với Ban quản lý bằng vụ án dân sự khác.

Trong vụ án này Tòa án chỉ xem xét, giải quyết trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của Ban quản lý đối với Công ty TNHH 45, với nội dung: Ban quản lý yêu cầu Công ty TNHH 45 hoàn trả số tiền 384.439.300 đồng trong số tiền 1,2 tỷ đồng mà Ban quản lý đã cho Công ty TNHH 45 tạm ứng theo hợp đồng thi công công trình đường Nguyễn Văn Cừ. Ông N cũng thừa nhận số tiền nợ này. Do đó việc xem xét, giải quyết yêu cầu này của Ban quản lý đối với Công ty TNHH 45 cũng không ảnh hưởng đến ý kiến, yêu cầu của ông N về việc xác định lỗi vi phạm hợp đồng và xác định thiệt hại do vi phạm hợp đồng xảy ra (nếu có). Trường hợp sau này ông N cung cấp được chứng cứ và khởi kiện về quan hệ tranh chấp trên đối với Ban quản lý và nếu yêu cầu của ông N được chấp nhận, thì các bên vẫn được quyền bù trừ nghĩa vụ cho nhau tại giai đoạn thi hành án.

Do đó, trong vụ án này Tòa án chỉ xem xét phạm vi yêu cầu khởi kiện của Ban quản lý đối với Công ty 45, mà không xem xét đến ý kiến, yêu cầu của ông N, thì cũng không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên, như đã nhận định ở trên.

[4] Về án phí, lệ phí: Đơn khởi kiện của nguyên đơn đối với Công ty 45 được chấp nhận, nên nguyên đơn không phải chịu án phí.

Công ty TNHH 45 phải hoàn trả cho Ban quản lý số tiền 554.553.300 đồng, nên Công ty 45 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 26.182.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 10, 121, 122, 123, 124, Điều 135, Điều 137, 697, 698, khoản 1 Điều 699, khoản 2 Điều 702 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 10 của Pháp lệnh trọng tài số: 08/2003/PL-UBTVQH11 ngày 25/2/2003 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ Luật trọng tài thương mại năm 2010;

Chấp nhận đơn khởi kiện đề ngày 02/4/2019 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố K đối với Công ty TNHH 45 về “Tranh chấp hợp đồng thi công công trình”. **Xử:**

1. Buộc Công ty TNHH 45 do ông Trần Đình N làm đại theo pháp luật phải hoàn trả cho Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố K số tiền: **554.553.300** đồng (Năm trăm năm mươi bốn triệu, năm trăm năm mươi ba nghìn, ba trăm đồng), trong đó tiền ứng thi công công trình là: 384.439.300 đồng; tiền lãi suất: 170.114.390 đồng).

Áp dụng Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố K có đơn yêu cầu thi hành án mà Công ty TNHH 45 không chịu trả số tiền **554.553.300** đồng nêu trên, thì Công ty TNHH 45 còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Án phí: Áp dụng khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

- Công ty TNHH 45 phải chịu 26.182.000 đồng (hai mươi sáu triệu, một trăm tám mươi hai nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch;

- Hoàn trả lại cho Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố K số tiền **8.711.000** (Tám triệu, bảy trăm, mười một nghìn) đồng đã tạm nộp theo Biên lai thu số: 001186, ngày 18/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/11/2019).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND TP. Kon Tum;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP. Kon Tum;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Xuân Hoài